

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định thiết lập đối tác trong nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Công nghệ Thông tin

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG, ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quan hệ Đối ngoại và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa học công nghệ.

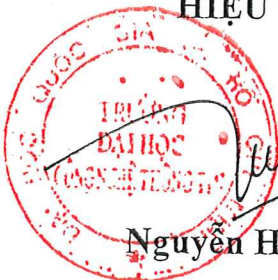
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định thiết lập đối tác trong nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Công nghệ Thông tin.

Điều 2. Các ông/bà Trưởng khoa, Trưởng phòng/ban, Trưởng bộ môn trực thuộc, Trưởng phòng thí nghiệm, Giám đốc Trung tâm trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, KHCN, QHĐN.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Tú Anh

QUY ĐỊNH VỀ THIẾT LẬP ĐỐI TÁC TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số: 798/QĐ-ĐHCNTT ngày 17 tháng 11 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng cho việc thiết lập mối quan hệ hợp tác song phương, đa phương trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học (NCKH) giữa trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐH CNTT) với các đối tác trong và ngoài nước. Bao gồm: lựa chọn đối tác, nội dung hợp tác, cách thức hợp tác, quy trình thiết lập mối quan hệ hợp tác với các đối tác.

2. Các hoạt động hợp tác trong NCKH với các đối tác bao gồm:

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, biên soạn giáo trình, xuất bản sách.
- Phát triển nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, ứng dụng vào sản xuất và cung cấp sản phẩm công nghệ chất lượng cao.
- Các hoạt động khác trong lĩnh vực NCKH.

Điều 2. Mục tiêu của hoạt động hợp tác trong lĩnh vực NCKH

1. Tăng cường mối quan hệ hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ giữa Nhà trường với các trường đại học, cơ sở giáo dục đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước.

2. Tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới để phát triển khoa học và giáo dục; áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, các kết quả nghiên cứu nhằm phục vụ nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo, kinh tế - xã hội. Thực hiện nhiệm vụ NCKH kết hợp sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và khu vực. Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ.

Điều 3. Tiêu chí lựa chọn đối tác trong hợp tác nghiên cứu

1. Các đối tác hợp tác trong NCKH là: các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, các trường đại học trong và ngoài nước có mối quan hệ hợp tác với trường ĐH CNTT.

2. Ưu tiên lựa chọn các trường đại học có cùng ngành đào tạo, cơ sở giáo dục đào tạo, viện nghiên cứu, các địa phương, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước, có chung về lĩnh vực NCKH, chuyển giao khoa học công nghệ; có đủ tiềm lực về khả năng hợp tác NCKH.

Điều 4. Quy trình thiết lập đối tác hợp tác

Bước 1: Xác định nhu cầu của Trường ĐH CNTT và các đơn vị trực thuộc Nhà trường.

Bước 2: Xây dựng tiêu chí đánh giá để lựa chọn đối tác hợp tác phù hợp, hiệu quả.

Bước 3: Tìm kiếm các đối tác thực tế phù hợp với Nhà trường và từng đơn vị.

Bước 4: Sàng lọc các đối tác để lựa chọn những đối tác phù hợp nhất bằng cách thu thập thông tin về đối tác (điểm mạnh, các lĩnh vực có thể hợp tác...).

Bước 5: Tiếp cận đối tác và thiết lập quan hệ đối tác bằng hoạt động:

- Xây dựng đề xuất hợp tác.
- Liên lạc với các đối tác tiềm năng, thảo luận các khả năng hợp tác.
- Xác định và phân tích những lựa chọn cho mỗi quan hệ đối tác dựa trên những điểm mạnh và mối quan tâm của đối tác.
- Xây dựng đề cương dự án hợp tác khi hai bên thống nhất.
- Trao đổi và soạn Biên bản ghi nhớ và Thỏa thuận hợp tác với đối tác.

Bước 6: Triển khai các hoạt động hợp tác cụ thể.

Bước 7: Định kỳ tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động hợp tác với từng đối tác cụ thể theo tiêu chí.

Điều 5. Cách thức hợp tác

1. Đôi bên hoặc các bên cùng nhau thống nhất hợp tác trong các hoạt động NCKH bằng nguồn kinh phí đã được thỏa thuận. Các đơn vị có hoạt động hợp tác với đối tác trong NCKH có trách nhiệm thực hiện đúng theo hợp đồng, chương trình đã ký kết; kết thúc chương trình gửi báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác NCKH với đối tác về Phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa học Công nghệ (ĐTSDH&KH-CN).

2. Việc xét chọn, tuyển chọn, phê duyệt và quản lý đề tài NCKH, dự án hợp tác được thực hiện phù hợp với quy định, thỏa thuận của hai bên.

- a) Trường hợp kinh phí hỗ trợ nghiên cứu của đối tác được cấp thông qua Trường ĐH CNTT hoặc có sử dụng một phần kinh phí của Trường, việc tổ chức tuyển chọn, xét chọn, phê duyệt và quản lý nhiệm vụ được thực hiện như đề tài cấp Trường.
- b) Trường hợp đối tác cấp kinh phí nghiên cứu và trực tiếp quản lý đề tài, dự án, việc tổ chức tuyển chọn, xét chọn, phê duyệt và quản lý nhiệm vụ được thực hiện theo quy định của đối tác.
- c) Trường hợp đối tác đặt hàng sản phẩm nghiên cứu cho Nhà trường thì thực hiện quản lý theo quy định đề tài cấp Trường.

3. Trong quá trình hợp tác các bên phải cùng nhau kiểm tra, đánh giá tình hình, tiến độ thực hiện, hiệu quả hợp tác. Nếu có khó khăn phải cùng nhau tháo gỡ và giải quyết.

4. Đối với các hoạt động KH-CN hợp tác với các đơn vị, tổ chức quốc tế.

- a) Hoạt động KH-CN hợp tác với các đơn vị, tổ chức quốc tế bao gồm: chương trình, đề tài, dự án NCKH do cá nhân hoặc tổ chức triển khai thực hiện dưới danh nghĩa của Nhà trường (hoặc đơn vị trực thuộc Nhà trường) hợp tác với đối tác quốc tế (bao gồm nhà tài trợ hoặc/và đối tác chuyên môn) trong khuôn khổ các chương trình tài trợ quốc tế.
- b) Hoạt động KH-CN hợp tác quốc tế hoàn toàn bằng kinh phí nước ngoài tài trợ thực hiện theo các quy định của Nhà nước và các chương trình tài trợ.
- c) Hoạt động KH-CN theo Nghị định thư thực hiện theo Thông tư 10/2019/TT-BKHCN ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư.
- d) Hoạt động KH-CN hợp tác quốc tế có sử dụng kinh phí của Nhà trường, thực hiện

quy trình đề xuất, tuyển chọn, phê duyệt và quản lý được thực hiện như đề tài cấp trường đồng thời tuân thủ các văn bản pháp quy của Nhà nước về hợp tác quốc tế trong KH&CN.

Điều 6. Thời hạn hợp tác

1. Thời hạn hợp tác trong lĩnh vực NCKH không quá 05 năm kể từ ngày được ký kết và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm.
2. Việc gia hạn hợp tác phải được thực hiện trong thời hạn 6 tháng trước khi Thỏa thuận hợp tác hết thời hạn.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng khoa, Trưởng phòng/ban, Trưởng bộ môn trực thuộc, Trưởng phòng thí nghiệm, Giám đốc Trung tâm trực thuộc Trường chịu trách nhiệm là đầu mối hợp tác NCKH với đối tác của đơn vị mình phụ trách; có trách nhiệm báo cáo và phối hợp về hoạt động hợp tác NCKH của đơn vị mình với Phòng ĐTSĐH&KH&CN, Phòng Quan hệ Đối ngoại (QHĐN).
2. Phòng ĐTSĐH&KH&CN phối hợp cùng Phòng QHĐN chủ trì trong việc thiết lập hợp tác với các đối tác về lĩnh vực NCKH và hằng năm thực hiện công tác kiểm tra, xây dựng báo cáo và tổ chức đánh giá tình hình triển khai hợp tác để báo cáo lãnh đạo Trường và phía đối tác.
3. Phòng ĐTSĐH&KH&CN phối hợp cùng Phòng QHĐN có nhiệm vụ trao đổi, kết nối với đối tác, thống nhất nội dung hợp tác trước khi tiến hành ký kết các biên bản ghi nhớ giữa hai bên, thực hiện ký kết hợp tác với các đối tác về NCKH.
4. Hằng năm các đơn vị trong Nhà trường phối hợp với Phòng ĐTSĐH&KH&CN thực hiện các hoạt động hợp tác NCKH.
5. Trong quá trình thực hiện, quy định này sẽ được xem xét, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tiễn quản lý tại Nhà trường cũng như các quy định mới của pháp luật có liên quan.

HIỆU TRƯỞNG


 Nguyễn Hoàng Tú Anh